

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN YÊN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 03-9-2020
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thoảng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Ngọc Toàn

Ông Phạm Thanh Châu Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tuấn – Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông Lương Xuân Toàn – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 178/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con. Theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn T, xã Yên Hợp, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái (có mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn T, xã Yên Hợp, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày: Tôi và anh C kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện. Đăng ký ngày 06/9/2002 tại Ủy ban nhân dân xã Yên Hợp, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh C chỉ thích nắm giữ kinh tế trong gia đình để bọc vào bản thân không lo cho vợ con. Đã nhiều lần tôi khuyên chồng

tôi nhưng không nghe. Từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên xảy ra và chúng tôi đã sống ly thân nhau từ ngày 09/5/2020 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn gì nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh C.

Về con chung: Có 03 cháu: Nguyễn Thị TH sinh ngày 27/7/2003; Nguyễn Văn T sinh ngày 19/6/2011; Nguyễn Tiến P sinh ngày 24/11/2015. Khi ly hôn cháu T có nguyện vọng ở với anh C. Tôi đồng ý. Tôi nhận nuôi hai cháu Th và cháu P và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Sau khi thụ lý vụ án. Tòa án nhân dân huyện Văn Yên đã nhiều lần báo gọi và gửi Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh C không có mặt theo các giấy tờ của Tòa án. Hiện nay anh C hộ khẩu tại thôn T, xã Yên Hợp, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Những lần Tòa án gửi các giấy tờ cho anh C, Anh C đã trực tiếp nhận và anh đã biết việc Tòa án đang giải quyết ly hôn giữa chị T và anh nhưng anh cố tình trốn tránh không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án nên Tòa án không thể lấy lời khai và hòa giải theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự được.

Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự, quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị T được ly hôn anh C. Áp dụng điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình xử giao cháu Nguyễn Thị Th cho anh C nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Văn T và Nguyễn Tiến P cho chị T nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập bị đơn hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Yên Hợp, huyện Văn

Yên, tỉnh Yên Bái vào ngày 06/9/2002 là hôn nhân hợp pháp. Chị T cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh C chỉ thích nắm giữ kinh tế trong gia đình để bọc vào bản thân không lo cho vợ con. Đã nhiều lần chị khuyên anh C nhưng không nghe. Từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên xảy ra và hiện nay anh chị đã sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai cả. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Chị T xin ly hôn anh C là có căn cứ.

Tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Đã xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra hiện nay chị T và anh C đã sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai cả. Từ đó có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh C đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để xử cho chị T được ly hôn anh C là có căn cứ.

[4] Về con chung: Có 03 cháu: Nguyễn Thị Th sinh ngày 27/7/2003; Nguyễn Văn T sinh ngày 19/6/2011; Nguyễn Tiến P sinh ngày 24/11/2015. Cháu Nguyễn Thị Th có nguyện vọng ở với anh C. Do vậy cần giao cháu Th cho anh C nuôi dưỡng. Còn hai cháu Nguyễn Văn T và Nguyễn Tiến P chị T có nguyện vọng nuôi hai cháu và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 56; 57; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2 điều 227; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

2. Về nuôi con chung:

Xử giao cháu Nguyễn Thị Th sinh ngày 27/7/2003 cho anh Nguyễn Văn C trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục.

Xử giao hai cháu Nguyễn Văn T sinh ngày 19/6/2011; Nguyễn Tiến P sinh ngày 24/11/2015 cho chị Trần Thị T trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục.

Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000đồng tiền án dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2017/0003645 ngày 15/6/2020 tại Thi hành án dân sự huyện Văn Yên. Xác nhận chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị T được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn C vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã Yên Hợp.
- Lưu HS-TQĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Thoảng